

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2018.

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Ông Lê Trung Hiếu – kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Mộng L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mộng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T sống chung với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/11/2002. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, cờ bạc và không chung thủy. Chị và anh T đã

không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Chị nhận thấy chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có hai con chung tên là Trần Thị Mộng T, sinh ngày 25/8/1995 và Trần Thị Mộng T, sinh ngày 10/8/2003, hiện tại T đã lập gia đình, còn T đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T cho đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Trần Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết,

Về nợ chung: Chị và anh Trần Văn T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh Trần Văn T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn T, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Mộng T.

Bị đơn anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Mộng L được ly hôn với anh Trần Văn T, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng L tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần

Văn T có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng L và anh Trần Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2002, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng anh T không lo làm ăn, cò bạc và không chung thủy. Chị và anh T đã không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Tại phiên Tòa, chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến tham gia hòa giải và cũng không đến dự phiên tòa. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mộng L.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Mộng L và anh Trần Văn T có hai con chung tên là Trần Thị Mộng T, sinh ngày 25/8/1995 và Trần Thị Mộng T, sinh ngày 10/8/2003. Xét thấy Trần Thị Mộng T đã thành niên, lao động được nên không xem xét việc nuôi con chung đối với Trần Thị Mộng T, đối với Trần Thị Mộng T chưa thành niên cần có người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện tại đang sống chung với chị L và nguyện vọng của cháu cũng muốn tiếp tục được sống chung với mẹ. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Mộng L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mộng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mộng L, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng L được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Mộng T, sinh ngày 10/8/2003 cho chị Lê Thị Mộng L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Anh Trần Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Thị Mộng L chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mộng L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị Mộng L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 19456 ngày 28/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị L đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Mộng L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương